

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định phương thức chi trả chính sách trợ giúp xã hội;  
mức chi phí chi trả thông qua tổ chức dịch vụ chi trả  
áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính  
phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng  
Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị  
định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ  
giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Căn cứ Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Bộ  
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số  
20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách  
trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ  
trình số 86/TTr-SLĐTBXH ngày 27/6/2022 về việc đề nghị phê duyệt Quyết định  
quy định phương thức chi trả chính sách trợ giúp xã hội; mức chi phí chi trả thông  
qua tổ chức dịch vụ chi trả áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định về phương thức chi trả chính sách trợ giúp xã hội; mức chi phí chi trả thông qua tổ chức dịch vụ chi trả áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng: Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; đối tượng bảo trợ xã hội; tổ chức dịch vụ chi trả và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc chi trả chính sách trợ giúp xã hội.

**Điều 2. Phương thức chi trả chính sách trợ giúp xã hội; mức chi phí chi trả thông qua tổ chức dịch vụ chi trả**

1. Phương thức chi trả chính sách trợ giúp xã hội: Chi trả chính sách trợ giúp xã hội thông qua hợp đồng với tổ chức dịch vụ chi trả.

2. Các chính sách chi trả qua tổ chức dịch vụ chi trả.

a) Chính sách trợ giúp xã hội hằng tháng và hỗ trợ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng.

b) Chính sách trợ giúp xã hội khẩn cấp đối với các hỗ trợ bằng tiền và trợ giúp xã hội một lần theo thỏa thuận trong hợp đồng chi trả giữa Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện với tổ chức thực hiện dịch vụ chi trả.

3. Mức chi phí chi trả

a) Đối với chi trả chính sách trợ giúp xã hội hằng tháng và hỗ trợ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng: Được thanh toán hằng tháng cho tổ chức thực hiện dịch vụ chi trả bằng 0,8% trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội nhưng mức tối thiểu 700.000 đồng/xã, phường, thị trấn, tối đa không quá 2.000.000 đồng/xã, phường, thị trấn.

b) Đối với chi trả các chính sách trợ giúp xã hội khẩn cấp bằng tiền và trợ giúp xã hội một lần: Được thanh toán một lần cho tổ chức thực hiện dịch vụ chi trả bằng 0,8% trên tổng số tiền hỗ trợ cho đối tượng.

4. Nguồn kinh phí chi cho tổ chức dịch vụ chi trả: Từ nguồn kinh phí chi đảm bảo xã hội giao cho Ủy ban nhân dân huyện, thành phố hằng năm.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước Tuyên Quang, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Theo dõi, kiểm tra các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ chi trả trợ cấp cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn đảm bảo đúng quy định. Xử lý theo thẩm quyền, hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý nghiêm các sai phạm trong quá trình thực hiện chi trả (nếu có).

2. Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước Tuyên Quang: Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của Ủy ban nhân dân tỉnh.

### 3. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

a) Chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội lựa chọn tổ chức dịch vụ chi trả và trực tiếp ký hợp đồng thực hiện dịch vụ chi trả chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn với tổ chức dịch vụ chi trả đảm bảo theo quy định tại Điều 34, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội để thực hiện nhiệm vụ chi trả chính sách trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội.

b) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo triển khai, tổ chức thực hiện có hiệu quả việc chi trả chính sách trợ giúp xã hội theo Quyết định này trên địa bàn.

c) Theo dõi, kiểm tra đơn vị chi trả đảm bảo thực hiện đúng chế độ quy định. Xử lý theo thẩm quyền, hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý nghiêm các sai phạm trong quá trình thực hiện chi trả (nếu có).

### Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/7/2022.

2. Bãi bỏ Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 01/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc thực hiện chi trả chính sách trợ giúp xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước Tuyên Quang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế các Bộ: LĐTBXH, TC;
- Ủy ban MTTQVN và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Như điều 4 (thi hành);
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra và đăng tải CSDL);
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Công báo tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu: VT, THVX (Ntg).

(báo cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Việt Phương